

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày: 29-05-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chân

2. Ông Trương Thanh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1957; có mặt

Địa chỉ: phố X, thị trấn X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Ủy quyền cho anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1995; vắng mặt

Địa chỉ: thôn Q, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2024)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963

Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: thôn M 2, xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Đều ủy quyền cho chị Nguyễn Thị R, sinh năm 1985

Địa chỉ: đường 21 V, phường F, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị T và người đại diện cho bà Vũ Thị T, anh Nguyễn Văn B trình bày: Do có mối quan hệ quen

biết, đầu tháng 05/2008, bà B có hỏi vay bà 1.700 USD (một nghìn bảy trăm đô la Mỹ) để nhập hàng về bán, bà đồng ý. Ngày 08/05/2008, bà cho bà B vay 1.700 USD. Hai bên có lập giấy vay tiền, bà B là người trực tiếp viết và ký vào giấy vay tiền. Thời hạn trả hai bên thỏa Bận miệng là mấy tháng sau bà B sẽ trả, không thỏa Bận lãi suất. Sau khi vay bà B có tự trả bà tiền lãi một, hai lần, số tiền bao nhiêu, thời gian cụ thể bà không nhớ. Tháng 06/2008, bà B hỏi vay bà tiếp 2000 USD (hai nghìn đô la Mỹ) để cho con đi nước ngoài, bà đồng ý và đưa cho bà B 2000 USD và bà B tự tay viết thêm vào tờ giấy vay tiền ngày 08/05/2008 với nội dung bà B vay của bà 3.700 USD. Ngày 03/07/2008, ông Nguyễn Mạnh H chồng bà B mang đến nhà bà trả cho bà 1000 USD. Từ cuối năm 2008 đến nay, bà đã nhiều lần sang nhà bà B yêu cầu ông H, bà B trả nốt bà 2.700 USD nhưng ông H, bà B không trả. Do hiểu biết pháp luật hạn chế, bà không biết việc cho nhau vay bằng ngoại tệ là trái quy định của pháp luật, nên bà yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch cho vay USD giữa bà với vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị B theo vấy vay tiền ngày 08/05/2008 là vô hiệu, buộc ông ông H, bà B phải trả bà 2.700 USD quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị B, người đại diện cho nguyên đơn, chị Nguyễn Thị R trình bày: Giữa vợ chồng bà (B+ H) với bà Vũ Thị T không có quan hệ họ hàng gì, chỉ là bạn bè cùng bán hàng tại chợ M cũ, nên thỉnh thoảng bà và bà T có vay mượn tiền bằng miệng với số tiền khoảng 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, để nhập hàng bán rồi lại trả ngay, bà T khởi kiện vợ chồng bà vay 3.700 USD là không đúng sự thật. Chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 08/05/2008 không phải là của bà. Vì vậy, nay bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vay 2.700 USD ngày 08/05/2008 giữa bà với bà T vô hiệu, buộc vợ chồng bà phải trả bà T 2.700 USD, bà không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T. Tuyên bố giao dịch vay tiền bằng đô la Mỹ ngày 08/05/2008 giữa bà T với vợ chồng ông H, bà B vô hiệu. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Mạnh H phải trả bà Vũ Thị T 2.700 USD, quy đổi ra tiền Việt Nam là 69.511.500 đồng.

- Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị T yêu cầu tuyên bố giao dịch vay tiền bằng USD giữa bà với bà Nguyễn Thị B vô hiệu, buộc vợ chồng bà B phải trả 2.700 USD bằng tiền Việt Nam đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, gọi chung là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án Bộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 08/05/2008, bà Vũ Thị T có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Mạnh H vay 3.700 USD. Khi vay các bên có lập “Giấy vay tiền”. Trong giấy vay tiền các bên không thỏa Bận lãi suất, thời hạn trả. Ngày 03/07/2008, vợ chồng bà B trả cho bà T được 1.000 USD, còn 2.700 USD từ đó đến nay mặc dù bà T đã đi lại đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà B vẫn chưa trả. Nay bà Vũ Thị T yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tài sản bằng ngoại tệ giữa bà với vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Mạnh H ngày 08/05/2008 vô hiệu, buộc ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị B phải trả bà 2.700 USD, quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm Tòa án đưa ra xét xử.

Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Mạnh H không thừa nhận có vay tiền (USD) của bà Vũ Thị T, chữ ký trong “Giấy vay tiền” ngày 08/05/2008 không phải là của bà B, nhưng bà B, ông H không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Tòa án đã B thập chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị B và giấy vay tiền ngày 08/05/2008 có chữ ký, chữ viết của bà B gửi đi giám định. Tại kết luận giám định số 539/KL-KTHS ngày 31/03/2025 của Phòng kỹ Bật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Dạng chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị B trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối số: 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sửa đổi bổ sung tại Pháp lệnh số: 06/2013/UBTVQH13 ngày 18/03/2013 quy định: *“Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa Bận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp khác được phép theo quy định của Ngân*

hàng Nhà nước Việt Nam”. Như vậy, hợp đồng vay tiền bằng USD ngày 08/05/2008 giữa bà Vũ Thị T với bà Nguyễn Thị B đã vi phạm quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T là có căn cứ, nên cần tuyên bố hợp đồng vay tài sản bằng USD ngày 08/05/2008 giữa bà Vũ Thị T với bà Nguyễn Thị B vô hiệu, buộc bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Mạnh H phải liên đới trả cho bà Vũ Thị T 2.700 USD x 25.745 đồng/01USD tại thời điểm Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử = 69.511.500 đồng (làm tròn 69.511.000 đồng).

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình tố tụng, bà Vũ Thị T đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng chi phí giám định chữ ký. Chi phí giám định hết 3.240.000 đồng, số tiền còn lại 1.760.000 đồng, đã hoàn lại cho bà Vũ Thị T. Do yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T được chấp nhận, nên buộc ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị B phải liên đới hoàn trả bà Vũ Thị T số tiền chi phí giám định là 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quá trình tố tụng Tòa án đã lập biên bản giải thích cho ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị B biết về việc trường hợp yêu cầu của bà Vũ Thị T được chấp nhận vợ chồng ông bà Bộc đối tượng người cao tuổi được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với điều kiện ông bà phải làm đơn yêu cầu xin miễn gửi cho Tòa án, nhưng ông H, bà B từ chối làm việc, từ chối ký vào biên bản và không có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, do yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T được chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Mạnh H phải liên đới chịu 3.475.575 đồng (làm tròn 3.475.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị T Bộc đối tượng không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên việc hoàn lại tiền tạm ứng án phí không đặt ra xem xét.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 122, Điều 123, Điều 131, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức B, miễn, giảm, B, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T. Tuyên bố hợp đồng vay tài sản bằng ngoại tệ (USD) ngày 08/05/2008 giữa bà Vũ Thị T với bà Nguyễn Thị B vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị B phải liên đới trả cho bà Vũ Thị T số tiền 69.511.000 đồng (Sáu mươi chín triệu năm trăm mười một nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị B phải liên đới hoàn trả bà Vũ Thị T số tiền chi phí giám định là 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả các khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Bận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị B phải liên đới chịu 3.475.000 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân